

Số: 06/2024/QĐST-HNGĐ

Y, ngày 15 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 15/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2024, giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Xuân H, sinh năm 1978; dân tộc: Kinh; nghề nghiệp: Giáo viên; số CCCD: 015178006352 do Cục CSQLHCVTTXH - BCA cấp ngày 07/9/2021; địa chỉ: Tổ 6, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang.

- *Bị đơn*: Ông, sinh năm 1975; dân tộc: Tày; nghề nghiệp: Giáo viên; CCCD số: 002075004203 do Cục CSQLHCVTTXH - BCA cấp ngày 19/12/2022; địa chỉ: Tổ 6, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 5 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 5 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

- Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Trần Xuân H và ông Mai Văn T.
- Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:
 - Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Xuân H và ông Mai Văn T nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà Trần Xuân H và ông Mai Văn T xác nhận ông bà có hai con chung là cháu Mai Tiến Đ, sinh ngày 18/3/2002 và Mai Yến C, sinh ngày 28/9/2007, cháu Đ đã trưởng thành ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, sau khi ly hôn bà H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Mai Yến C, ông T cấp dưỡng nuôi con Mai Yến C với mức 6.000.000đ (sáu triệu đồng)/tháng, phương thức cấp dưỡng theo tháng, thời điểm cấp dưỡng từ tháng 6/2024 cho đến khi con đủ 18 tuổi, người nhận tiền cấp dưỡng là bà Trần Xuân H.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Bà H, ông T xin tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Bà Trần Xuân H tự nguyện chịu toàn bộ 150.000^d (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000^d (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mà ông Mai Văn T phải chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án bà H đã nộp là 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số: 0003180 ngày 03/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Hà Giang.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THA DS huyện Y;
- Các đương sự;
- UBND phường Q,
- Thành phố T, tỉnh Thái Nguyên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN



Đoàn Ngọc Vĩnh